TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS-ST
Ngày: 27-7-2018
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Thanh Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Luật và bà Trần Thị Liên.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Trọng Bách - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLST-DS ngày 02/4/2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-DS ngày 27/6/2018; Quyết định hoãn phiên tòa 06/2018/QĐST-DS ngày 13/7/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Đình C, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Dương Bá M, sinh năm 1968;

Bà Phan Thị A, sinh năm 1976;

Đều có địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Đồng Thị T, sinh năm 1971; Người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Phạm Đình C, sinh năm 1968 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 25/5/2018).

Đều có địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; ông C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2018, bản tự khai và các biên bản ghi lời khai của nguyên đơn là ông Phạm Đình C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Đồng Thị T (ủy quyền cho ông C là đại diện) trình bày:

Tháng 6/2013, vợ chồng ông Phạm Đình C và bà Đồng Thị T mở cửa hàng kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật tư nông nghiệp, đạm, phân bón, thuốc trừ sâu,… ở Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng ông Dương Bá M và bà Phan Thị A là người cùng thôn đến mua cám, thức ăn chăn nuôi,… để phục vụ cho việc chăn nuôi của gia đình. Bên bán là ông C, T có thỏa thuận bán hàng cho vợ chồng ông M, bà A bằng hình thức mua chịu và trả dần. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C, bà T đã nhiều lần bán cám, phân bón cho ông M và bà A. Việc mua bán được các bên ký xác nhận vào sổ giao hàng của vợ chồng ông C, ghi rõ ngày tháng, số lượng, chủng loại hàng, số tiền lấy hàng còn nợ. Cũng có lần ông M, bà A không ký sổ ngay mà đến cuối tháng giữa hai bên cùng chốt sổ và ký xác nhận các khoản nợ theo tháng. Hai bên thỏa thuận khi nào ông M và bà A thu hoạch hoa mầu hoặc gia súc, gia cầm thì có trách nhiệm trả tiền hàng cho vợ chồng ông C, bà T. Thời gian đầu, bên mua là ông M, bà A thực hiện trả tiền đầy đủ và đúng thỏa thuận. Tuy nhiên từ năm 2015, ông M, bà A thanh toán tiền mua hàng không đầy đủ. Phía nguyên đơn đã nhiều yêu cầu ông M, bà A trả nợ và thực hiện đúng cam kết, tuy nhiên ông M bà A nói là làm ăn khó khăn nên không có tiền trả ngay và khất nợ nhiều lần. Từ 10/7/2017, ông M, bà A không mua hàng của gia đình nhà ông C mà mua của người khác. Từ tháng 11/2017 đến nay, thì ông M, bà A không trả nợ cho vợ chồng ông C bà T. Ông C xác định vợ chồng ông M, bà A còn nợ các khoản tiền như sau:

- Tiền phân bón năm 2017 còn nợ:	1.455.000đ
- Tiền đạm mùa năm 2016 còn nợ:	21.524.000đ
- Tiền mua cám xề chửa còn nợ:	35.089.000đ
- Tiền mua cám gà 2016 - 2017 còn nợ:	39.813.000đ
- Tiền cám lợn 2017 còn nợ:	126.855.000đ
- Cám vịt + Lợn tập ăn còn nợ:	135.747.000đ
- Cám gà từ 17/10/2015 - 25/4/2016 còn nợ:	74.237.000đ

- Cám ngan năm 2015 còn nợ: 127.000.000đ

- Ngan, gà, vịt giống: 21.580.000đ

- Cám cá còn nợ: 58.740.000đ + 03 bao x 330.000đ/bao = 59.730.000đ

- Nợ cũ năm 2014: 270.793.000đ

Tổng bằng: 913.823.000đ

+ Vợ chồng ông M, bà A đã trả cho vợ chồng ông C được các khoản sau:

- Ngày 27/6/2017 trả: 10.400.000đ

- Ngày 01/7/2017 trả: 15.450.000đ

- Ngày 08/7/2017 trả: 15.000.000đ

- Ngày 02/8/2017 trả: 13.000.000đ

- Ngày 11/8/2017 trả: 27.000.000đ

- Ngày 3/9/2017 trả: 18.000.000đ

- Ngày 28/11/2017 trả: 30.000.000đ

Tổng cộng ông M, bà A đã trả: 128.850.000đ

Đến nay, ông M, bà A còn nợ vợ chồng ông C, bà T số tiền là: 784.973.000đ. Ông C, bà T yêu cầu Tòa án buộc ông M, bà A phải trả vợ chồng ông C toàn bộ số nợ là 784.973.000đ, ngoài ra không yêu cầu khoản nào khác.

- Tại bản tự khai và các biên bản ghi lời khai, bị đơn ông Dương Bá M và bà Phan Thị A trình bày: Ông bà có mua cám, thức ăn chăn nuôi, phân bón của gia đình ông C, bà T; phương thức thanh toán được hai bên thỏa thuận là trả dần. Đến năm 2016, 2017 do giá bán gà, lợn giảm mạnh nên gia đình ông M, bà A không có tiền trả cho ông C bà T. Sau đó, ông C, bà T không cho ông bà mua chịu nữa. Ông C và bà T còn cho người đến đòi tiền, đe dọa ông bà. Đến nay, Ông M, bà A xác định còn nợ ông C, bà T tiền cám và các khoản liên quan đến chăn nuôi tổng cộng là 784.973.000đ. Ông M bà A sẽ có trách nhiệm trả ông C, bà T nhưng không thể trả ngay được mà đề nghị được trả dần.

Tại biên bản xác minh với Công an xã H và các tài liệu do Công an xã H cung cấp thể hiện: Gia đình ông M, bà A có mua cám, thức ăn chăn nuôi của gia đình ông C, bà T theo hình thức trả dần. Do giá cả thị trường biến động, giá lợn, vịt giảm mạnh nên phía ông M, bà A không có tiền trả nợ cho gia đình ông C bà T. Phía gia đình ông C, bà T đã nhiều lần đến đòi nợ nhà ông M, bà A, gây mất trật tự

ở địa phương. Công an xã H, huyện N đã phải mời 02 bên lên làm việc, lấy lời khai và tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên toà, nguyên đơn ông Phạm Đình C giữ nguyên quan điểm yêu cầu ông Dương Bá M và bà Phan Thị A phải trả tiền nợ cám cho gia đình ông tổng số tiền là 784.973.000đ, ngoài ra, không yêu cầu khoản nào khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng; bị đơn ông Dương Bá M, bà Phan Thị A không chấp hành việc nhận tài liệu, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc đưa vụ án ra xét xử của Tòa án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 278, Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Luật phí và lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đình C; buộc vợ chồng ông Dương Bá M và bà Phan Thị A phải trả cho ông Phạm Đình C và bà Đồng Thị T số tiền còn nợ do mua bán hàng hóa là 784.973.000đ; Về án phí: Buộc ông Dương Bá M và bà Phan Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.399.000đ; hoàn trả ông Phạm Đình C 17.699.000đ tạm ứng án phí đã nộp của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Dương Bá M và bà Phan Thị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy tháng từ 6/2013 đến tháng 11/2017, vợ chồng ông Phạm Đình C và bà Đồng Thị T

bán cám, vật tư nông nghiệp cho vợ chồng ông Dương Bá M và bà Phan Thị A. Việc mua bán được các bên ký xác nhận vào sổ giao nhận hàng, ghi rõ ngày tháng, số lượng, chủng loại hàng, số tiền lấy hàng còn nợ. Hai bên thỏa thuận khi nào ông M và bà A thu hoạch hoa mầu hoặc gia súc, gia cầm thì có trách nhiệm trả tiền nợ cho vợ chồng ông C dứt điểm các khoản nợ cũ. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía ông C, bà T đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao cám, phân bón,... cho phía ông M, bà A. Tuy nhiên, phía ông M, bà A không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền cho phía ông C, bà T dẫn đến việc ông C, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông M, bà A thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Cụ thể số tiền nợ là 913.823.000đ. Phía bị đơn ông M, bà A đã trả cho vợ chồng ông C được các khoản sau:

- Ngày 27/6/2017 trả:	10.400.000đ
- Ngày 01/7/2017 trả:	15.450.000đ
- Ngày 08/7/2017 trả:	15.000.000đ
- Ngày 02/8/2017 trả:	13.000.000đ
- Ngày 11/8/2017 trả:	27.000.000đ
- Ngày 3/9/2017 trả:	18.000.000đ
- Ngày 28/11/2017 trả:	30.000.000đ
Tổng cộng ông M, bà A đã trả:	128.850.000đ

Ông M, bà A số chưa thanh toán số tiền 784.973.000đ cho ông C và bà T. Quá trình chuẩn bị xét xử tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, vợ chồng ông Dương Bá M và bà Phan Thị A đều xác định còn nợ tổng số tiền mua cám, phân bón... của ông C và bà T là 784.973.000đ, phù hợp với các sổ bán hàng của phía nguyên đơn. Đồng thời phù hợp với các tài liệu do chính bị đơn cung cấp là bản phô tô sổ ghi các khoản đã trả có xác nhận của ông C, bà T. Phía bị đơn xác định lý do không thanh toán đúng thoản thuận vì giá lợn, gia cầm năm 2016 - 2017 giảm giá mạnh nên không thu hồi được vốn để trả cho ông C, bà T. Do đó, có đủ căn cứ để xác định phía ông M, bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với phía nguyên đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 278, Điều 440 Bộ luật Dân sự. Phía nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn trả tiền hàng chưa thanh toán là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông M, bà A phải thanh toán số tiền mua hàng là 784.973.000đ. Phía nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét khoản tiền chậm thanh toán vì vậy Hội đồng xét xử không phải xem xét.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - ông Pham Đình C được Tòa án chấp nhận nên bị đơn là ông Dương Bá M và bà Phan Thị A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn - ông Phạm Đình C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 278, Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Luật phí và lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đình C.

Buộc vợ chồng ông Dương Bá M và bà Phan Thị A phải trả cho ông Phạm Đình C và bà Đồng Thị T số tiền còn nợ do mua bán hàng hóa là 784.973.000đ *(Bảy trăm tám mươi tư triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng chẵn).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí: Buộc ông Dương Bá M và bà Phan Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.398.920đ.

Hoàn trả ông Phạm Đình C 17.699.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0002183, ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Đình C, bà Đồng Thị T (do ông C là đại diện) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Dương Bá M, bà Phan Thị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- Cơ quan THA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Liên **Đặng Hữu Luật** **Vũ Thanh Tuấn**